

MÙA XUÂN TRONG LUẬN NGŨ

Lê Việt Thường

DẪN NHẬP



Trong một bài viết trước đây (1), chúng tôi có nhắc đến hai câu Ca Dao sau đây về TẾT mà chúng ta thường nghe:

*“Tháng giêng ăn Tết ở nhà
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè”*

Và chúng tôi có đưa ra nhận xét là có lẽ vì không nắm vững ý nghĩa ngày Tết, nên ngày nay có những người Việt không những ngạc nhiên mà đôi khi còn tỏ ra bực bội về nội dung văn hóa của hai câu trên. Thật vậy, có điều nghịch lý sau đây : nước ta nghèo mà lại có cái Tết dài nhất “thiên hạ”, trong khi Âu Mỹ giàu sang lại có khuynh hướng cắt giảm các ngày nghỉ lễ, Tết nhất bằng cách khuyến khích Lao Động.

Tuy nhiên, “nên nhớ lại Tây Âu mới làm việc quần quật từ lúc có khoa học kỹ thuật. Còn triết lý lao động thì lại đến muộn hơn nữa, mới chừng một thế kỷ rưỡi nay” thôi.

Còn trước kia, Triết Cổ Điển Tây Phương “đã xao lãng việc đề cao lao động thì chớ, lại còn coi việc làm là hình phạt hay là cái chi hèn hạ, chỉ đáng dành cho Nô Lệ (gọi là servile). Aristotle cho việc lao tác là bất xứng với người Tự Do. Cũng vì đó mà triết Cổ Điển với Plato, Aristotle..... đã không tìm cách phá chế độ Nô Lệ, lại còn bào chữa cho là cần thiết để xã hội tồn tại. Vì xã hội mà thiếu lao động thì sản xuất sao nổi, mà ai lao động cho đây nếu không có Nô Lệ. Đây quả là một tang chứng về vụ Triết Học đã phản bội Con Người vốn mang trong xương tủy tính chất Tác Hành..... Đó là lý do sâu xa nhất đã gây nên cuộc phản động đề cao lao động như vừa nói tới trên kia.....

Nhưng rồi “mạnh chống mạnh chấp”; hễ cái gì do phản động thì thế nào cũng gây nên sự mất quân bình (vì đi quá trớn trong chiều hướng ngược lại) là cái sẽ dẫn đến chỗ cắt hoạn con người, bắt con người làm quá nhiều về chân tay lao lực, mà lại không để thì giờ phát triển những khả năng khác của con người trung thực”(2)

Ngoài ra, với Việt Nho thì Siêu Hình là THỜI GIAN và TÌNH CẢM. Cả hai đều Vô Hình nhưng lại có Thực..... Đó là hai then chốt của con người, Về khía cạnh Tình Cảm thì hàng ngày sống tình gia đình, nhưng lâu lâu vào những khởi điểm cũng cần sống theo chiều kích của mình. Sống đầy đủ nhất từ ăn uống, chơi đùa, ca hát, tế tự. Đây là lý do thâm sâu của các cuộc Tết nhất, hội hè đình đám kéo dài.

Còn về khía cạnh Thời Gian, có những việc không thể bỏ dù một giây”Đạo đã giả bất khả tu du ly dã” (TD). Nhưng có những lúc cần Trọng Thể hóa: đó là những thời điểm Khởi đầu Mùa, đầu Năm, Nho gọi là Tiết, Việt đọc là TẾT.

Do đó, “Minh Triết lập ra những cuộc lễ lạy hội hè: một trong những mục tiêu thấp nhất là tháo khoán tức cho phép vượt thể lệ thường nhật cả trong việc ăn uống cũng như dục tính. Cho nên bản chất Lễ là sự quá cỡ thường với mục tiêu mở nắp an toàn cho các uất ức buồn chán có dịp tiêu tán để bớt đi sức nén.

Còn hiểu cao hơn thì Tết nhất, hội hè chính là để con người được tham dự vào Thời Tính cũng gọi là Đại Thời Đại Không, tức như vượt mọi ranh giới của luật lệ, giai cấp để ai cũng được ăn uống, nói năng, múa nhảy thỏa thích hầu cho những mối tình khát mong sung túc, dư dật, san sẻ bầu bạn có thêm nội dung cụ thể trung thực. Vì thế hội hè vẫn kéo theo đình đám

Tóm lại, theo nghĩa thông thường, thì Tết nhất, Hội Hè Đình Đám là những lúc Vui Chơi, Giải Trí cần thiết nhằm “bù đắp” những ngày dài lao碌, lao trí, lao tâm khổ cực suốt một năm mà dân tộc nào cũng có.

Riêng với Việt Nho và Văn Hóa Việt, TẾT hay hội hè đình đám còn là những phút Linh Thiêng mà con người dùng để sống hòa điệu với nhịp vũ trụ của Hóa Công được quan niệm như Trẻ Thơ ca mùa “Hóa nhi đa hí lộng”, để cho đúng câu “thiên nhân tương dữ” trời người cùng tham dự. Vì thế “Tết” cũng kêu là “Tiết”.

Và mỗi Tết trở nên cơ hội cho con người sống đời sống của Đại Ngã Tâm Linh, sống hòa mình vào nhịp vũ trụ, để con người sống những giây phút an hành vượt hẳn ra ngoài vòng danh lợi của hai đợt cưỡng hành và lợi hành. Vì chỉ ở đợt An Hành con người mới dễ sống thanh thân trong bầu không khí bao la của trời cùng đất.(3)

Hai Ý Nghĩa về Ngày Tết vừa trình bày ở trên: ý nghĩa Thông Thường mà phần đông ai cũng có thể thấy có thể hiểu và ý nghĩa Minh Triết chỉ có một thiểu số nắm vững mà thôi.

Về hình thức lẫn nội dung, có nhiều điểm TƯƠNG ĐỒNG giữa Ý Nghĩa về TẾT là lúc khởi đầu Mùa Xuân như vừa trình bày và Ý Nghĩa của đoạn văn cũng về Mùa Xuân rất quan trọng sau đây trong “Luận Ngữ”. Đoạn văn này cũng có Hai Ý Nghĩa: một nghĩa Thông Thường và một nghĩa Minh Triết.

(I) Ý NGHĨA THÔNG THƯỜNG

Về nghĩa Thông Thường, chúng tôi xin được trích dẫn lời giải nghĩa của học giả Nguyễn Hiến Lê trong cuốn “Nhà Giáo Họ Khổng” của tác giả, Ông viết “ Nhưng ta nên ghi nhận thêm điều này: Tuy Khổng Tử bôn ba suốt đời để cứu vãn xã hội, ra công đào tạo một số môn sinh cho thành những chính trị gia có tài đức; nhưng cơ hồ như lý tưởng tối cao, tối hậu của Ngài không phải ở đó.

Một lần (Tiên Tiến_25):

“Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu và Công Tôn Hoa ngồi hầu Ngài. Ngài bảo:

_ Các anh cho rằng ta có chỗ hơn các anh nên ngại, nhưng đừng ngại gì cả. Ở nhà các anh thường nói: “Chẳng ai biết dùng [tài của] ta”. Nhưng nếu có người biết thì các anh sẽ đem tài năng gì ra dùng ?

Tử Lộ vội vàng đáp:

_ Ví như có một nước nhỏ có một ngàn cỗ chiến xa, bị ép giữa hai nước lớn, lại có thêm nạn chiến tranh, dân chúng đói khổ, cho Do (tên của Tử Lộ) tôi cầm quyền chính trị nước đó thì chỉ ba năm có thể khiến cho dân chúng dửng dưng cảm mà lại biết Đạo Lý nữa’.

Khổng Tử mỉm cười rồi hỏi:

_ Còn anh Cầu, anh thì thế nào ?

Nhiễm Hữu đáp:

_ Như một nước vương vức có sáu bảy chục dặm [nghĩa là một nước rất nhỏ] mà cho Cầu tôi cầm quyền chính trị chỉ ba năm có thể khiến cho dân chúng được no đủ. Còn về lễ nhạc thì xin đợi bậc Quân Tử.

_ Xích anh thì thế nào ?

Công Tôn Hoa đáp:

_ Về Lễ Nhạc, tôi không phải là giỏi, nhưng xin được học. Trong việc Tế Tự ở nơi tôn miếu hay trong hội nghị các chư hầu, Xích tôi xin mặc áo lễ huyền đoan, đội mũ chương phủ mà lãnh một chức nhỏ.

_ Điểm còn anh thì thế nào ?

Lúc đó Tăng Tích gảy cây đàn sắt vừa ngưng, đặt đàn xuống, nghe reng một tiếng, rồi đứng dậy đáp:

_ Chí của tôi khác hẳn ba anh đó.

Khổng Tử bảo:

_ Hại gì đâu? Cũng là ai nấy tỏ chí của mình ra mà thôi.

Tăng Tích bèn thưa:

_ Như bây giờ là tháng cuối mùa Xuân, y phục mùa xuân đã may xong, năm sáu người vừa tuổi đôi mươi, với sáu bảy em bé dắt nhau đi tắm sông Nghi rồi lên húng mát ở nền Vũ Vu vừa đi vừa hát, kéo nhau về nhà [tôi ước ao như vậy]

Ngài ngẫm nghĩ một chút rồi than: “Ta cũng muốn như anh Điềm”.

Học giả Nguyễn Hiến Lê viết tiếp:

“Đọc “Luận Ngữ” tôi thích nhất đoạn này. Người ta chê đạo Khổng thực tế quá hóa khô khan, nhưng chính Khổng Tử có tính tình rất đa cảm và nghệ sĩ.....tất cũng biết thích cái thú Nhàn của Lão Trang; nhưng Ngài rất ưu thời mẫn thế, phải nén sở thích để cứu đời đã. Để tạo một xã hội trong đó già trẻ trai gái ai cũng được hưởng cái thú tắm mát trong dòng sông Nghi rồi húng gió trên nền Vũ Vu, rồi Ngài mới có thể cùng vui với mọi người được. Như vậy là Ngài suốt đời hy sinh, ta vừa quý Ngài mà vừa phục; chứ như Lão hay Trang thì ta chỉ quý thôi chứ không phục được”.(4)

(II) Ý NGHĨA MINH TRIẾT

Còn Cố Triết Gia Kim Định thì giải thích đoạn văn trên theo nghĩa Minh Triết như sau :

– Tử Lộ đưa ra dự án quân sự rằng: “sau ba năm huấn luyện thì dân sẽ dũng mãnh” (khả sử hữu đồng).

– Nhiễm Hữu thì chú ý vào kinh tế thưa rằng: “sau ba năm dân sẽ đủ ăn” (khả sử túc dân).

– Công Tôn Hoa thì chủ lực vào ngoại giao, nghi lễ: áo quan, mũ, chương phủ, nên xin làm tiem tướng.

Sau cùng Khổng hỏi Tăng Tích: “Điềm, nhĩ hà tư?”

Lúc đó thầy Điềm mới thưa rằng:

*“Mộ xuân giả, xuân phục ký thành.
Quán giả ngũ lục nhơn,
Đồng tử lục thất nhơn.
Dục hồ nghi
Phong hồ Vũ Vu
Vịnh nhi quy”.*

Phu tử vị nhiên thán viết: “Ngô dữ Điềm dã,”

‘莫春者，
春服既成。
冠者五、六人，
童子六、七人，
浴乎沂，
風乎舞雩，
詠而歸。’

夫子喟然嘆曰：‘吾與點也！’ L.XI.25.

Thưa Thầy, dự án của con là: “Vào cuối mùa xuân khi áo xuân đã thành: rủ một ít bạn trạc mười sáu đôi mươi ra tắm sông Nghi, rồi lên núi Vũ Vu hóng gió, đoạn ca hát mà về”. Khổng Tử không dấu được lòng thán phục, liền hưởng ứng nói “Ngô dũ Điểm dã”: ta cùng một chí hướng với Điểm vậy”.

Thoạt đọc chúng ta không khỏi ngạc nhiên hỏi tại sao Khổng Tử lại nhận dự án của Điểm: giữa lúc nước tan tành mà Ngài lại đồng ý với thầy Điểm rủ bạn đi tắm mát để “lấy le” chẳng! Bỏ mặc quốc sự dân sinh coi như không có chi quan thiết đến thân mình cả. Sao Khổng Tử không chấp nhận dự án của ba ông Lộ, Cầu, Xích có thực tế hơn, giàu chất ưu thời mẫn thế hơn? Tại sao lại đi ủng hộ thầy Điểm?

Hay là tình thế quá thối nát nên tính đến chuyện giữ bụi đi tu để vui cùng non với nước, theo tiếng hát cung đàn?...

Đó là những thắc mắc xuất hiện nơi tâm trí ta khi mới đọc đoạn sách trên(5)

Thật vậy, nếu hiểu theo nghĩa ĐEN thì ta có thể có các ý nghĩ như trên, nhưng theo Cố Triết Gia Kim Đình thì muốn nắm Tinh Hoa của đoạn văn trên thì phải hiểu theo nghĩa BÓNG tức theo nghĩa Triết Lý. Vậy nên Cố Triết Gia viết tiếp :

“Nhưng khi nghĩ lại ta thấy Khổng bỏ thăm cho chương trình của Điểm là có lý do, vì dự án của Điểm đi ngược chiều theo lối không có đối tượng (tức lối An Vi) Ba người kia có đối tượng (tức lối Hữu Vi) rõ ràng thiết thực: họ có làm, riêng Điểm không làm, chỉ đi tắm sông, hóng gió, ca hát, có làm chi đâu? Toàn chơi cả!

Nhưng chính vì chỗ chơi đó, chính chỗ ngược đời đó khiến ta nhận ra Điểm là người dũng cảm, có gan lên đường thực sự, có mắt tinh đời biết coi nhẹ cái người đời coi trọng đặng coi trọng cái người đời coi khinh. Nhờ vậy mà Điểm đã thoát ra ngoài lưu tục là chỗ “bỏ gốc theo ngọn” (“xả bỏn trục mạt”).

Thế mà bỏn là Đức, tài là mạt “đức giả bỏn dã, tài giả mạt dã”. Cho nên chương trình của Điểm lấy việc “Tu Thân Vi Bỏn” làm gốc.

Chương trình đó là:

“Dục hồ Nghi
Phong hồ Vũ Vu

Vịnh
Nhi quy”.

Chúng ta hãy xét đại cương các đề mục:

(A)“DỤC HỒ NGHI”

Ở đây nhất định phải gạt bỏ những ý nghĩa cụ thể, để hiểu theo sự thanh lọc tâm hồn:

“Nước trong rửa ruột sạch tron
Một câu danh lợi không sờn lòng ai” (Đồ Chiểu)

Nước là biểu tượng có tính cách phổ quát để chỉ sự thanh lọc nên hầu như tôn giáo nào cũng có dùng: tắm nước sông Hằng bên Ấn giáo, phép rửa bên các tôn giáo đều ám chỉ bước đầu tiên trên đường Đạo là: thanh lọc (vie purgative).

Nho Giáo tuy không là tôn giáo nên không có phép tẩy rửa nhưng mỗi khi phải tiếp xúc với Thần Minh cũng có nghi tiết “Mộc Dục” nghĩa là tắm rửa để chỉ việc thanh lọc, do đó trong Nho giáo hay nói đến nước, coi như nơi phát xuất những tia sáng căn bản về Minh Triết, chẳng hạn ý tưởng biến dịch nền móng cho triết lý nhân sinh được Khổng liễu ngộ trong khi ngắm dòng nước chảy:

“Tử tại xuyên thượng viết: thế giả như tư phù, bất xả trú dạ”, 子在川上，曰：‘逝者如斯夫！不舍晝夜。’ L.IX 16. Khổng Tử đứng trên bờ sông nói rằng: cũng như nước này chảy đi thì Đạo thể cũng lưu linh như thế, ngày và đêm không có vật chi ngừng nghỉ...

Ngoài ra, Nước biểu thị Trí
Núi biểu thị Nhân

Nước đi với Non như cặp uyên ương nên ta quen nói “Non Nước”. Vì thế sau khi tắm dưới sông, thì trèo lên núi để hóng gió trời. Cũng chính là chuyện thông thường: sau “dục hồ nghi” thì đến “phong hồ vũ vu”.

(B)“PHONG HỒ VŨ VU”

Vũ Vu là một ngọn núi ở nước Lỗ trên đó có lập bàn thờ tế Trời đặng cầu mưa.

Tẩy sạch bụi trần ở sông Nghi, rồi lên núi Vũ Vu hóng gió gọi nhuần ơn mưa móc tự trời đổ xuống: “Đạo chi bản nguyên xuất ư thiên” (T.D). Gốc của Đạo phát xuất tự Trời.

Tiêu cực: tẩy sạch trần cấu.

Tích cực: hứng gió mưa tự trời.

Nói theo tôn giáo là tẩy sạch tâm hồn để đón nhận ơn thiêng từ Trời. Nói theo triết là sau khi nhìn nhận ra được tính chất hạn cực, tương đối của các định đề trong luận lý cũng như các công ước xã hội thì đón nhận cái nhìn bao quát toàn thể của Minh Triết

ví như nước, như gió, như mưa bao trùm vạn vật bằng một luồng sống linh động. Nho triết thường coi non nước như cặp âm dương. Tuy mâu thuẫn đôi chọi nhưng thực ra là cặp vợ chồng lý tưởng được biểu thị trong câu “non nhân nước trí” chung tình.

Non biểu thị Tình yêu trinh bền. Nước biểu thị cho Trí đi lại tìm ra các mối liên hệ quán thông sự vật len lỏi xuyên qua vạn hữu. Vì thế nhiều Nho Gia lấy việc du ngoạn sơn thủy làm một nguồn gợi hứng thiên nhiên linh diệu: có cảm thông với sơn thủy mới dễ liễu hội được cái lẽ huyền vi của mối tình mật thiết giữa Trời Đất Người. Người thôn dã sống gần thiên nhiên dễ cảm được thực tại hơn người thị dân người trí thức vì lẽ đó.

(3) “VỊNH”

Lúc sinh khí đã thâm hóa đầy thâm tâm, tất sẽ vui mừng, vui mừng ắt sẽ ngâm vịnh, ngâm vịnh ắt sẽ dao động. Dao động ắt sẽ nhún nhảy. “Nhơn hỉ tất tư đào. Đào tư vịnh, vịnh tư do, do tư vũ”. [Đàn Cung Kinh]

(4) “NHI QUY”

Là điểm chốt sau Vịnh. Quy ở đây có hai nghĩa.

(a) “THIÊN KỲ PHẢN NHI”

Trước hết là trở về nội tâm:” thiên kỳ phản nhi”. Đây là điểm căn cơ hơn hết trên con đường ngược chiều: tự ngoài vào trong, nghĩa là từ những cái tư riêng được coi như mục đích, thì nay mục đích được hướng vào chỗ “Kỳ Trung” ở đọt sâu thẳm nhất, nên chỉ còn là tiết diệu uyên nguyên mà mỗi người học Đạo phải cố đạt tới. Thành công nhiều ít là tùy độ nắm được Trung nông sâu hơn kém.

(b) THÁI ĐỘ “XỬ THẾ” CỦA VIỆT NHO

Thứ hai là trở lại với đời sống thế tục để Xử Thế, cho đời sống xã hội thấm nhuần Đạo Lý, cho cõi nhân sinh trở thành Nhân Đạo”.(6)

Và đó là chỗ phân biệt giữa lối sống Thời Trung, Xử Thế của Nguyên Nho hay AN VI của Việt Nho và đường lối Xuất Thế của phái VÔ VI . Câu chuyện sau đây có thể dùng để minh họa sự khác biệt nêu trên :

“Một hôm Khổng đi đường không biết bến đò nên sai Tử Lộ đến hỏi hai nhà ả sĩ là Tràng Thư và Kiệt Nịch, nhưng cả hai từ chối. Tràng Thư đáp: nếu người ngồi xe là Khổng Tử thì ông ta đã biết lối xuống đò rồi. Riêng Kiệt Nịch đã không chỉ lối lại còn gửi lời khuyên cáo Khổng Tử nên theo chân ả sĩ để lánh trần rằng “thao thao giả thiên hạ giai thị dã nhi thù dĩ dịch chi”. Tất cả mọi nơi đều loạn lạc như thác như lũ thì mong tìm đâu ra đồng chí đặng cùng mình cải tổ xã hội chứ?

Tử Lộ đem lời trên thuật lại cho Thầy. Nghe xong, Khổng ngậm ngùi nói “Điều thú bất khả dữ đồng quần, ngô phi nhân đồ dữ, nhi thù dĩ dữ? Thiên hạ hữu đạo, Khâu bất

dữ dịch dã, 鳥獸不可與同群, 吾非斯人之徒與而誰與? 天下有道, 丘不與易也. ” L. XVIII

Người ta không thể làm bạn với cầm thú. Nếu ta chẳng sống với người trong xã hội này thì sống với ai? Nếu thiên hạ có Đạo rồi thì cần chi phải sửa đổi cải tạo nữa.

Câu chuyện trên biểu lộ hai thái độ ở đời với hai khung cảnh. Tràng Thụ, Kiệt Nịch thiên về xuất thế, lấy tiên làm mẫu người lý tưởng: chữ Tiên kếp bởi chữ Nhơn và sơn chi người ở núi. Không lấy xóm nhân làm chỗ ở: chữ Nhân là “hai người” nói lên xã nhân tính thiết yếu của con người, chứ không thể đồng quần với điều thú sống lang bạt trên núi rừng được.

Do đó khung cảnh Nho Giáo chính là các loại xã hội nhỏ từ gia đình thôn ấp mở rộng qua lên quốc gia nơi mình đang sinh sống đang hoạt động và cuối cùng là quốc tế (tứ hải giai huynh đệ). Như thế môi trường đó không thể tìm xa xôi trên núi rừng, những nơi u tịch cách biệt xã hội loài người. (7)

[Chúng tôi xin được mở một dấu ngoặc vì khi viết tới đây, chúng tôi chợt nhớ là có những “tay Ngụy Biện” chuyên môn xuyên tạc Nho Giáo, “đả phá” Văn Hóa VIỆT như Nguyễn Gia Kiểng chẳng hạn. Đối với những người này, chuyện “viết lách” không phải do nhu cầu đi tìm Sự Thật mà là cái dịp để họ tìm cách “bưởi móc”, “bôi nhọ” văn hóa dân tộc cho những mục tiêu” không mấy trong sáng” như những quyền lợi cá nhân nhỏ nhen, những âm mưu chính trị phe đảng hoặc cho âm mưu phục vụ một ý thức hệ ngoại lai được che dấu dưới những từ ngữ mỹ miều và bằng mọi phương tiện, cách thức như rút các câu trích dẫn ra khỏi dòng văn của nó, cố tình bẻ quặt ý nghĩa của câu văn, các từ ngữ được sử dụng, hoặc tiếp tục giải nghĩa các từ ngữ theo ý nghĩa đã lỗi thời mà trong quá khứ chính Nho Giáo đã giúp hành giả vượt qua ý nghĩa lỗi thời nêu trên bằng một ý nghĩa rất Mới Mẻ, Cách Mạng như chúng tôi đã có dịp chứng minh qua trường hợp Nguyễn Gia Kiểng với cặp từ ngữ “Quân Tử-Tiểu Nhân” hoặc các chữ Lễ, Chữ Nhân, chữ Đức...mà NGK cố tình xuyên tạc, bẻ quặt ý nghĩa trong một bài viết trước đây] (8)

Xin được trở lại đề tài bài viết. Qua câu chuyện nêu trên, chúng ta nhận thấy rằng các người chủ trương Vô Vi như Tràng Thụ, Kiệt Nịch có ý khuyên “Khổng Tử nên theo chân ả sĩ để lánh trần rằng...tất cả mọi nơi đều loạn lạc” cả rồi “ như thác như lũ thì mong tìm đâu ra đồng chí đảng cùng mình cải tổ xã hội ?”

Thì Ngài than rằng: “Người ta không thể làm bạn với cầm thú. Nếu ta chẳng sống với người trong xã hội này thì sống với ai? Nếu thiên hạ có Đạo rồi thì cần chi phải sửa đổi cải tạo nữa”

Vậy nên Khổng Tử cũng như phần lớn các Kẻ Sĩ sau này thường bị chỉ trích là “biết làm không được mà vẫn cứ làm” vì những người chỉ trích không hiểu rằng đối với Nho Giáo, hành động còn có mục đích “Làm Gương” nữa chứ không chỉ mong đạt được kết

quả cụ thể mà thôi. Cũng tương tự câu tuyên bố của Nhà Cách Mạng Nguyễn Thái Học: “Không Thành Công cũng Thành Nhân”!

Vậy nên, tinh thần Chân Thực của người Quân Tử xưa cũng như nay rất khác xa với cái mà Nguyễn Gia Kiểng (cũng lại xuyên tạc nữa!!!) gọi là « làm chính trị kiểu nhân sĩ », nghĩa là theo Nguyễn Gia Kiểng « hoặc không tham gia một tổ chức nào hoặc nếu có tham gia thì cũng chủ yếu để lợi dụng tổ chức cho tham vọng cá nhân của mình, chứ không phải để xây dựng tổ chức....đấu tranh để cải thiện xã hội (sic) !

Khi « huyên hoang » tuyên bố như trên hay lúc khác có thái độ « dè bieu » đối với việc ra « Làm Quan » của các nhà Nho thời trước, Nguyễn Gia Kiểng quên hay không biết là việc ra « Làm Quan » là cách thức DUY NHẤT mà người « ăn học » thời xưa có thể trực tiếp ra Giúp Nước và Cải Tạo Xã Hội.

Lẽ dĩ nhiên, ngày nay có nhiều cách thức giúp nước và cải tạo xã hội hơn xưa (nhưng đó là chuyện ngày nay !) ngoài việc « ra làm quan » tức « thi tuyển vào làm công chức »). Nhưng điều đáng tiếc là phần lớn lớp Trí Thức ngày nay không biết , không hiểu hay không muốn hiểu ý nghĩa của từ ngữ “Chính Danh », nên thông thường kèm theo các lời huê mỹ hay những câu tuyên bố « sang sảng » như « Phải khẩn cấp trả lại cho đấu tranh chính trị nghĩa thực và đúng của nó, nghĩa là đấu tranh để cải thiện xã hội, để tôn vinh quyền làm người và đem lại phúc lợi tối đa cho thật nhiều người ». (NGK) thì ẩn sâu dưới là cả một thực trạng Phủ Phàng được « đan dệt » bằng Danh, bằng Lợi, bằng lối đi « Cửa Hậu » được che dấu dưới những chiêu bài chính trị thời thượng kiểu « Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc » !!!

Đối với Nguyễn Gia Kiểng, nếu có ai chịu khó bỏ chút thì giờ ra quan sát , thì sẽ thấy đó là một trường hợp của một người mang trong mình rất nhiều tham vọng [ở đây chưa cần bàn đến khía cạnh « Tốt-Xấu » của tham vọng] nhưng lại TRÁNH tối đa làm những điều cần thiết về phương diện Kiến Thức, Học Hỏi hầu có thể dùng chúng làm phương tiện hiện thực những tham vọng của chính mình. Mà hệ quả là đương sự hoàn toàn THIẾU vắng những Kiến Thức căn bản và cần thiết trong các lãnh vực liên hệ từ Chính Trị, Kinh Tế, Quản Trị.....cho đến (lẽ dĩ nhiên) Lịch Sử, Văn Hóa, Triết Học, Ngoài ra, Nguyễn Gia Kiểng áp dụng lối tranh luận mà người bình dân thường mô tả bằng những từ ngữ như « Già Mồm », « Hàm Hồ », hay « Cải Chầy Cải Cối » đồng thời sử dụng những phương thức lý luận « không lành mạnh » mà chúng tôi vừa đề cập ở trên và như đã nói , hoàn toàn THIẾU vắng những Kiến Thức thích đáng và cần thiết trong các đề tài và lãnh vực liên hệ. Do đó, nội dung của các lập luận của Nguyễn Gia Kiểng hoàn toàn ĐI NGƯỢC lại với Dữ Kiện, Lý Thuyết, ngay cả Lương Tri Công Cảm thông thường.

Tóm lại, để diễn tả một cách « bóng bẩy điếm một một chút hài hước », về Nguyễn Gia Kiểng với tính CUÔNG ẬU cố hữu cộng thêm với việc NGK tìm cách che dấu âm mưu ĐẠO VẤN của thiên hạ mà miệng cứ luôn « bô bô » là « ta đây có nhiều ý tưởng Mới Mẻ », đó có lẽ là một trường hợp « Đáng Buồn » cho Cộng Đồng Người Việt liên

quan đến một « Tay Ngụy Biện » ĐIỀM HÌNH hình như có kèm theo cả « Nhãn Hiệu Cầu Chúng » hẳn hoi không một ai có thể làm lẫn được !!!

Thật rất khác xa với lối Xử Thế của Nguyên Nho hay Việt Nho. Và khi Đông Trọng Thư nói “Tiên quy nhi hậu vi chi, 先歸而後為之” (ĐC 335) là ông nói theo lối Vương Đạo. Thật vậy, muốn cải tạo xã hội mà thiếu Quy, tức thiếu Minh Triết để phân biệt được điều lợi hại thì đầu thiện chí là yêu thương người mà kết quả lại là làm hại người, bên ngoài ý muốn của mình.

Điềm là một vòng trong dây chuyền của Truyền Thống.

Đại để đó là ẩn ý của Điềm mà người cháu nội sau này của Khổng Tử là Tử Tư sẽ quảng diễn bằng câu: “Vật hữu bản末, sự hữu chung thủy. Tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ, 物有本末, 事有終始, 知所先後, 則近道矣.”, nghĩa là vật có gốc có ngọn, gốc loạn mà cành trĩ chưa bao giờ xây đến được. Cái gốc là chính con người, phải lấy “thành nhân” làm nền móng trong việc an bang tế thế lâu dài.

Vì thế mà “quân tử lập kỳ đại”. Người quân tử trước hết đặt vững nền móng cho cái Đại cái Gốc. Mà “lập kỳ đại” chính là tu thân. Tu thân mới là bản gốc, ngoài ra kinh tế, chính trị, ngoại giao... tuy không ai dám chối là cần, nhưng cần hơn cả là Gốc. Chính Gốc mới là phần “Thành Nhân”. Nếu chỉ luyện nên những thứ chuyên môn mà không có luyện cho thấy cái toàn thể nơi con người, thì đừng nói thiếu tâm hồn, mà thiếu ngay cả đến lương tâm nghề nghiệp. Jung có lần nào đó viết rằng chính những chương trình lớn lao về kinh tế, chính trị... đã làm các dân tộc sa lầy (Les grands programmes politiques, économiques... précisément ce qui a toujours enlisé les peuples), là vì những chương trình đó chỉ là những sự xếp đặt do đầu óc trục lợi tính toán, và chỉ biết tìm thế quân bình giữa các nhóm thế lực lấy ích lợi làm trọng tâm, mà không được đặt vào tương quan với Toàn Thể là Nhân Tính con người.

Đành rằng phải có chuyên môn nhưng đồng thời phải dạy cho biết cái Toàn Thể tức là Đạo làm Người. Có thế mới là “tiên quy nhi hậu vi chi”. Nếu không trước hết hỏi hướng về tâm tâm để mình tìm lại mình rồi mới thực hiện (vi chi) thì dẫu chuyên môn có giỏi rồi cũng chỉ đến “vinh thân phì gia”, chứ không mong gì giúp ích xã hội !

Điều nhận xét trên áp dụng cho toàn thế giới. Con người hiện nay đã “thành công” rất lớn, nhưng “thành nhân” rất nhỏ. Con người chưa được sửa soạn đủ để hưởng cái thành công của mình. Thay vì lấy thành công tô thắm cuộc đời thì lại dùng để tiêu diệt lẫn nhau. Vì chưa tìm ra cái Toàn Thể làm Gốc để quy tụ các động tác tư riêng nên mọi chương trình trở thành vá vúi.

Vì lý do sâu xa đó, nên tuy Khổng theo dự án của Điềm thoát coi tưởng như một trò chơi mà thực ra lại là lo cho đời từ căn rễ vậy. Hơn nữa đó mới chính là Nho triết của truyền thống trong câu: “duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung, 唯精唯一允執決中”: có tinh luyện tâm hồn mới đạt được sự thống nhất chân thực. Lúc đó mới thống nhất được mọi việc lẻ tẻ, những cái dị biệt.

Ở chương trình Điem, hai chữ:

“Duy Tinh” nằm trong “Dục Hồ Nghi”, dùng nước để tẩy lọc tinh luyện tâm hồn. “Duy Nhất” là “Phong Hồ Vũ Vu” để nhận lấy nguồn sinh lực sinh động của toàn thể. “Doãn Chấp” là Vịnh: Vịnh là chúa các nghệ thuật, cũng đồng nghĩa với hòa hợp điều lý.

“Quyết Trung” là “Nhi Quy”: tức là truy hướng hồi tâm để tìm ra nguồn sống và cũng có nghĩa là trở lại tô thắm cho đời sống xã hội.

Đúng là đường lối suy tư chân thực mà Heidegger gọi là “Andenken”: [pensée mémoriale] có thể dịch là “Truy Tư” hay “Quy Tư”, nghĩa là suy tư tìm trở lại nguồn gốc căn cơ con người, cũng chính là cái thực tại toàn triết mà chúng ta khát mong tìm trở lại, gọi là cái Khát Vọng Siêu Hình, mà không có thành công nào bóp chết được. Nhưng dùng lý trí thì chỉ thấy từng khúc vụn vặt. Do đó Việt Lý đi theo đường lối “Duy Tinh Duy Nhất”.(9)

KẾT LUẬN

Ở phần trên, chúng tôi có nói phớt qua rằng có những điểm Tương Đồng giữa ý nghĩa ngày Tết và nội dung của đoạn văn về Mùa Xuân trong ‘Luận Ngữ’. Và có lẽ điểm then chốt nhất là cả hai đều có thể hiểu theo hai cách khác nhau: hiểu theo lối Thông Thường hoặc theo nghĩa Minh Triết.

Hiểu cách Thông Thường thì Tết là cơ hội trong năm khi mà hội hè đình đám được tổ chức để những thành viên của một đoàn thể, những con dân của một đất nước có thể Vui Chơi thỏa thích với nhau nhằm “đền bù” những khổ cực của suốt một năm qua. Dân tộc nào cũng có loại sinh hoạt tương tự.

Riêng với Việt Tộc, TẾT còn mang một ý nghĩa thâm trầm sâu xa hơn nữa nhằm vươn lên đến tận tầng trời Minh Triết. Với ý nghĩa triết lý này, Tết không chỉ là cơ hội vui đùa, giải trí.” ăn nhậu” có vẻ chỉ thiên về khía cạnh Vật Chất, mà Tết còn là những giây phút Linh Thiêng ở đầu năm nhằm giúp con người vượt thoát khỏi vòng kiềm tỏa của cõi thế tục đầy ắp những Lợi cùng Danh để hòa đồng vào toàn thể Vũ Trụ Vạn Vật, với Đại Thời Đại Không của cõi Tâm Linh.

Về đoạn văn liên quan đến “Mùa Xuân trong “Luận Ngữ” cũng vậy, đa số và ngay cả học giả Nguyễn Hiến Lê cũng hiểu theo nghĩa Thông Thường, về cái thú và giấc mơ “Nhàn Tản” mà theo họ, Khổng Tử có thể phải tạm dẹp qua một bên hầu có đủ thì giờ Cứu Đòi và cải tại xã hội.

Tuy nhiên, theo Cổ Triết Gia Kim Định, còn có một ý nghĩa Minh Triết thâm trầm sâu xa hơn nữa mà đoạn văn nêu trên có ý bàn đến và đó chính là cái Đạo Tu Thân của người Quân Tử mà lý tưởng là phải làm Bản Gốc cho tất cả các sinh hoạt khác của con người : Chính Trị, Kinh Tế, Quân Sự..... vì Quân Tử “lập kỳ đại” mà cái “Đại” của người Quân Tử là “Dĩ Tu Thân Vi Bản”. Vậy nên, ở đợt Minh Triết, “Mùa Xuân trong Luận Ngữ” , ngoài ý nghĩa Thông Thường mà phần đông ai cũng có thể hiểu, còn chứa

đựng một nội dung MINH TRIẾT thâm hậu liên quan đến các khía cạnh hay giai đoạn khác nhau trong chính tiến trình TU THÂN của người Quân Tử, từ

“Dục hồ Nghi”
“Phong hồ Vũ Vu”

Cho đến

“Vịnh”
“Nhi quy”

Lê Việt Thường